

Số: 26/2021/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi  
trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 4032 /TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định nội dung, mức chi để thực hiện công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 857/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh - Đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ



thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 nghị quyết này.

## Điều 2. Nội dung chi, mức chi

Thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo do Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

## Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./.

### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Thường trực Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND TP.HCM;
- Văn phòng UBND TP.HCM;
- Các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND-UBND TP Thủ Đức, 05 huyện, xã, thị trấn;
- UBND các quận, phường;
- Trung tâm công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (Ban VHXH-Nga).

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Lệ**





## PHỤ LỤC

**Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

(Kèm theo Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

### I. Nội dung

- Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 100% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

Stt	Nội dung
1	Thi tốt nghiệp THPT
2	Thi tuyển sinh lớp 10
3	Thi giáo viên giỏi Thành phố
4	Thi giáo viên chủ nhiệm giỏi Thành phố
5	Thi giáo viên giỏi GDTX Thành phố
6	Thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi GDTX Thành phố
7	Thi HS Giỏi lớp 9 THCS Thành phố
8	Thi HS Giỏi lớp 12 THPT Thành phố
9	Thi chọn đội tuyển HSGlớp 12 THPT Thành phố (vòng 1)
10	Thi chọn đội tuyển HSGlớp 12 THPT Thành phố (vòng 2)
11	Thi Học viên giỏi GDTX Thành phố
12	Thi Nghiên cứu khoa học
13	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi

- Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 90% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

Stt	Nội dung
1	Thi tốt nghiệp Tiếng Hoa cấp Tiểu học
2	Thi Tốt nghiệp tiếng Pháp lớp 12 THPT
3	Thi Tốt nghiệp tiếng Pháp lớp 9 THCS
4	Thi Học viên giỏi máy tính cầm tay GDTX, THPT thành phố
5	Thi Học sinh giỏi giải toán trên máy tính thành phố
6	Thi nghề THPT
7	Thi tuyển sinh lớp 1 - chương trình song ngữ tiếng Pháp

- Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 70% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

Stt	Nội dung
1	Cuộc thi “khảo sát lớp 3 thành phố”
2	Cuộc thi “khảo sát học sinh lớp 7 thành phố”
3	Cuộc thi “Khảo sát ngoại ngữ khối 9 thành phố”
4	Cuộc Thi Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp
5	Hội thi Quốc tế Pháp ngữ
6	Hội thi “Đầu bếp trẻ”
7	Hội thi khéo tay kỹ thuật môn công nghệ
8	Hội thi An Toàn Giao thông vì nụ cười ngày mai thành phố
9	Hội thi sáng tác ảnh
10	Hội thi hùng biện tiếng Nhật và liên hoan phim Văn hoá
11	Hội thi hùng biện tiếng Anh
12	Hội thi Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp - STEM
13	Hội thi nét vẽ xanh
14	Hội thi Lớn Lên Cùng Sách
15	Hội Thi E-Learning thành phố
16	Hội thi Văn hay chữ tốt
17	Hội thi Giáo dục quốc phòng và an ninh thành phố
18	Hội thi Tiếng Anh thành phố
19	Festival bơi lội học sinh

*Lưu ý: Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi phát sinh ngoài các danh mục nêu trên cấp thành phố, cấp quận (thành phố Thủ Đức và quận, huyện), Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định nội dung, mức chi phù hợp với tình hình thực tế không vượt quá quy định Nghị quyết này.*



## II. Mức chi

Đơn vị tính: nghìn đồng.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Thông tư 69	Mức chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>CHI CÔNG TÁC XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI</b>		<b>Khoản 9 Điều 8</b>		
<b>1.1</b>	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên)</b>		<b>Điểm b Khoản 9 Điều 8</b>		
	- Trưởng ban/Chủ tịch	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch	Người/ngày		1.000	
	- Thư ký /ủy viên	Người/ngày		800	
	- Thành viên gồm vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ.	Người/ngày		600	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ, lái xe.	Người/ngày		400	
<b>1.2</b>	<b>Tiền công thực hiện:</b>		<b>Điểm c, Khoản 9, Điều 8</b>		
	- Soạn thảo câu hỏi thô	câu	70	70	
	- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	câu	60	60	
	- Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	câu	50	50	
	- Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	câu	35	35	
	- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa.	câu	10	10	
<b>1.3</b>	<b>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm (Chủ trì; các thành viên)</b>		<b>Điểm e, Khoản 9, Điều 8</b>		
	- Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	Áp dụng cách thức		

			tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban/ Phó Chủ tịch	Người/ngày		1.000	
	- Thư ký /ủy viên	Người/ngày		800	
<b>2</b>	<b>RA ĐỀ THI</b>		<b>Khoản 8, Điều 8</b>		
<b>2.1</b>	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên).</b>		<b>Điểm a, Khoản 8, Điều 8</b>		
	- Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban/ Phó Chủ tịch	Người/ngày		1.000	
	- Thư ký /ủy viên	Người/ngày		800	
	- Thành viên gồm vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ.	Người/ngày		600	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ, lái xe.	Người/ngày		400	
<b>2.2</b>	<b>Chi ra đề đề xuất (đối với câu tự luận)</b>		<b>Điểm b, Khoản 8, Điều 8</b>		
	- Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đề	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	600	
	- Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (theo phân môn)	Đề theo phân môn		1.000	
	- Thi chọn học sinh vào đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế	Đề theo phân môn		1.500	



2.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề); thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế (Đề tự luận, đề trắc nghiệm); đề thi thực hành kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, kỳ thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế.		Điểm c, Khoản 8, Điều 8		
	Thi tốt nghiệp THPT	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.400	
	Thi chọn học sinh giỏi quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề)				
	- Đề trắc nghiệm	Người/ngày		1.500	
	- Đề tự luận	Người/ngày		1.500	
	- Thi nói	Người/ngày		1.500	
	Thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế (Đề tự luận, đề trắc nghiệm)				
	- Đề trắc nghiệm	Người/ngày		1.500	
	- Đề tự luận	Người/ngày		1.500	
	Đề thi thực hành kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, kỳ thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế	Người/ngày		1.500	
3	<b>CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN:</b>		Khoản 4, Điều 8		
3.1	<b>Hội đồng/Ban ra đề thi</b>				
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền	1.200	
	- Phó Chủ tịch thường trực	Người/ngày		1.100	

	- Các Phó chủ tịch	Người/ngày	công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.000	
	- Ủy viên, Thư ký(24/24h)	Người/ngày		800	
	- Bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày		600	
	-Ủy viên, Thư ký vòng ngoài	Người/ngày		800	
	- Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày		400	
<b>3.2</b>	<b>Ban Chỉ đạo thi/Hội đồng thi</b>				
	- Trưởng ban/Chủ tịch	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch	Người/ngày		1.000	
	- Ủy viên/Thư ký	Người/ngày		800	
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày		400	
<b>3.3</b>	<b>Hội đồng/Ban coi thi</b>				
	- Trưởng ban	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày		1.000	
	- Ủy viên, Thư ký, Giám thị	Người/ngày		800	



<b>3.4</b>	<b>Hội đồng chấm thi</b>				
<b>3.4.1</b>	<b>Ban Thư ký Hội đồng</b>				
	- Trưởng ban	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày		1.000	
	- Ủy viên	Người/ngày		800	
<b>3.4.2</b>	<b>Ban/Tổ làm phách</b>				
	- Trưởng ban	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày		1.000	
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày		800	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly.	Người/ngày		600	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ vòng ngoài.	Người/ngày		400	
<b>3.4.3</b>	<b>Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/ Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi.</b>				
	- Trưởng ban	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo	1.200	
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày		1.000	
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày		800	
	- Thành viên gồm vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ.	Người/ngày		600	

	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ, lái xe.	Người/ngày	mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTĐBXH.	400	
<b>3.4.4</b>	<b>Hội đồng/Ban in sao đề thi:</b>				
	- Trưởng ban làm việc cách ly	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTĐBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban làm việc cách ly	Người/ngày		1.000	
	- Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly	Người/ngày		800	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày		600	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày		400	
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày		800	
<b>3.4.5</b>	<b>Tổ chức chấm thi</b>				
	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thi chọn đội tuyển quốc gia; tiền công chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; tiền công chấm phúc khảo bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ thông, chấm thẩm định bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ thông, chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi quốc gia, chấm phúc khảo bài thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế và khu vực (nếu có).	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTĐBXH.	1.200	



4	<b>TẬP HUẤN CÁC ĐỘI TUYÊN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC</b>		<b>Điểm a, Khoản 12, Điều 8</b>		
	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn; tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn và giảng dạy thực hành, trợ lý thí nghiệm, thực hành;	<i>Người/ngày</i>	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.000	